

Nam Tân, ngày 09 tháng 9 năm 2023

DANH SÁCH HỒ TRỎ
CÁC HỘ DÂN CỐ DIỆN TÍCH CÂY MÂY VỪ CHIÊM XUÂN 2022-2023
Cơ sở cây mây: thôn Trung Hà

Định mức hồ trữ trữ cây mây : 1.400.000 đ/ha

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Xứ đồng	Diện tích (m ²)	Kinh phí hồ trữ trữ cây mây (đ)	Ký tên
1	2	3	4	5	6=5*140 đ/m ²	7
1	Trần Văn Phong	Trung Hà	Tur Vân	721	101.000	
2	Trần Văn Quỳnh	Trung Hà	Tur Vân	1.491	209.000	
3	Bùi Văn Cường	Trung Hà	Tur Vân	1.768	248.000	
4	Đỗ Văn Khắc	Trung Hà	Tur Vân	441	62.000	
5	Nguyễn Thế Lợi	Trung Hà	Tur Vân	1.501	210.000	
6	Tăng Văn Sang	Trung Hà	Tur Vân	914	128.000	
7	Nguyễn Thế Tảo	Trung Hà	Tur Vân	2.177	305.000	
8	Nguyễn Thị Ca	Trung Hà	Tur Vân	805	113.000	
9	Trần Văn Vù	Trung Hà	Tur Vân	731	102.000	
10	Mai Thanh Minh	Trung Hà	Tur Vân	1.236	173.000	
11	Nguyễn Thị Lan	Trung Hà	Tur Vân	581	81.000	
12	Lê Thị Cận	Trung Hà	Tur Vân	2.082	291.000	
13	Nguyễn Văn Trường	Trung Hà	Tur Vân	1.435	201.000	
14	Mai Quang Toàn	Trung Hà	Tur Vân	949	133.000	
15	Nguyễn Chí Thuận	Trung Hà	Tur Vân	1.116	156.000	
16	Phan Thị Toàn	Trung Hà	Tur Vân	1.177	165.000	
17	Trần Thị Cam	Trung Hà	Tur Vân	1.579	221.000	
18	Trần Văn Luyện	Trung Hà	Tur Vân	1.246	174.000	
19	Nguyễn Thế Ngưu	Trung Hà	Tur Vân	1.459	204.000	
20	Nguyễn Văn Thằng	Trung Hà	Tur Vân	1.893	265.000	
21	Nguyễn Hữu Hoàn	Trung Hà	Tur Vân	478	67.000	
22	Trần Văn Truyền	Trung Hà	Tur Vân	489	68.000	
23	Tăng Văn Bích	Trung Hà	Tur Vân	1.031	144.000	
24	Tăng Văn Thụ	Trung Hà	Tur Vân	886	124.000	
25	Nguyễn Văn Bằng	Trung Hà	Tur Vân	843	118.000	
26	Nguyễn Văn Công	Trung Hà	Tur Vân	988	138.000	
27	Trần Văn Nam	Trung Hà	Tur Vân	1.107	155.000	
28	Bùi Văn Hùng	Trung Hà	Tur Vân	2.769	388.000	
29	Trần Văn Giáp	Trung Hà	Tur Vân	1.085	152.000	
30	Nguyễn Thế Mung	Trung Hà	Tur Vân	883	124.000	



STT	Họ và tên	Địa chỉ	Xứ dòng	Diện tích (m2)	Kinh phí hỗ trợ thuê cây máy (d)	Ký tên
31	Nguyễn Thế Phần	Trung Hà	Tư Văn	589	82.000	
32	Nguyễn Thế Rô	Trung Hà	Tư Văn	1.053	147.000	
33	Tân Thị Hòa	Trung Hà	Tư Văn	1.156	162.000	
34	Trần Văn Đông	Trung Hà	Tư Văn	2.106	295.000	
35	Trần Văn Nhin	Trung Hà	Tư Văn	2.009	281.000	
36	Nguyễn Thị Lén	Trung Hà	Tư Văn	2.155	302.000	
37	Nguyễn Văn Hiến	Trung Hà	Tư Văn	1.363	191.000	
38	Nguyễn Văn Chung	Trung Hà	Tư Văn	952	133.000	
39	Trần Văn Tú	Trung Hà	Tư Văn	947	133.000	
40	Mạc Thị Mây	Trung Hà	Tư Văn	1.176	165.000	
41	Đoàn Thị Luận	Trung Hà	Tư Văn	961	135.000	
42	Nguyễn Thế Phúc	Trung Hà	Tư Văn	552	77.000	
43	Đặng Thị Phương	Trung Hà	Tư Văn	670	94.000	
44	Nguyễn Thị Lân	Trung Hà	Tư Văn	1.949	273.000	
45	Nguyễn Thị Thành	Trung Hà	Tư Văn	1.153	161.000	
46	Nguyễn Thế Tự	Trung Hà	Tư Văn	2.357	330.000	
47	Bùi Văn Nhiều	Trung Hà	Tư Văn	1.707	239.000	
48	Bùi Văn Sĩ	Trung Hà	Tư Văn	1.354	190.000	
49	Nguyễn Thị Năm	Trung Hà	Tư Văn	1.123	157.000	
50	Đoàn Thị Thuận	Trung Hà	Tư Văn	693	97.000	
51	Bùi Văn Sâm	Trung Hà	Tư Văn	544	76.000	
52	Đoàn Văn Thách	Trung Hà	Tư Văn	918	129.000	
53	Lê Thị Sỏi	Trung Hà	Tư Văn	1.575	221.000	
54	Bùi Văn Tuấn	Trung Hà	Tư Văn	720	101.000	
55	Bùi Văn Tuấn	Trung Hà	Tư Văn	1.052	147.000	
56	Đỗ Văn Quyền	Trung Hà	Tư Văn	1.916	268.000	
57	Nguyễn Xuân Văn	Trung Hà	Tư Văn	1.791	251.000	
58	Mạc Văn Chiến	Trung Hà	Tư Văn	2.335	327.000	
59	Phan Văn Trí	Trung Hà	Tư Văn	1.475	206.000	
60	Đỗ Văn Thuồng	Trung Hà	Tư Văn	1.003	140.000	
61	Tân Thị Miên	Trung Hà	Tư Văn	1.571	220.000	
62	Mai Quang Thuận	Trung Hà	Tư Văn	1.487	208.000	
63	Phan Văn Tả	Trung Hà	Tư Văn	1.940	272.000	
64	Phan Thị Gái	Trung Hà	Tư Văn	526	74.000	
65	Trần Thị Tiếp	Trung Hà	Đồng Chanh	1.853	259.000	
66	Phan Văn Thi	Trung Hà	Đồng Chanh	926	130.000	
67	Nguyễn Thị Lu	Trung Hà	Đồng Chanh	1.345	188.000	
68	Bùi Văn Đình	Trung Hà	Đồng Chanh	875	122.000	



Trần Văn Tường
Hoàng Văn Toàn

TRẦN VĂN TƯỜNG
GIÁM ĐỐC

HOÀNG VĂN TOÀN
CHỦ TỊCH



TRƯỜNG THÔN

HTX DVNN

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

(Số tiền bằng chữ: Hai mươi triệu, sáu trăm chín mươi hai nghìn đồng./.)

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Xứ đồng	Diện tích (m ²)	Kinh phí hỗ trợ thuê cây (m ²)	Ký tên
69	Bùi Văn Được	Trung Hà	Đồng Chanh	500	70.000	
70	Hoàng Văn Gắm	Trung Hà	Đồng Chanh	918	128.000	
71	Lương Thị Hoàn	Trung Hà	Đồng Chanh	1.460	204.000	
72	Hoàng Văn Sơn	Trung Hà	Đồng Chanh	1.089	152.000	
73	Hoàng Văn Huyền	Trung Hà	Đồng Chanh	487	68.000	
74	Tân Thị Mơ	Trung Hà	Đồng Chanh	993	139.000	
75	Nguyễn Thế Kiên	Trung Hà	Đồng Chanh	2.304	323.000	
76	Vũ Văn Diệp	Trung Hà	Đồng Chanh	2.106	295.000	
77	Nguyễn Xuân Viên	Trung Hà	Đồng Chanh	2.307	323.000	
78	Vũ Văn Quân	Trung Hà	Đồng Chanh	599	84.000	
79	Vũ Văn Hiến	Trung Hà	Đồng Chanh	2.105	295.000	
80	Vũ Văn Hạp	Trung Hà	Đồng Chanh	1.356	190.000	
81	Nguyễn Văn Thành	Trung Hà	Đồng Chanh	615	86.000	
82	Nguyễn Thị Phương	Trung Hà	Đồng Chanh	593	83.000	
83	Mạc Thị Thảo	Trung Hà	Đồng Chanh	1.052	147.000	
84	Bùi Thị Mai	Trung Hà	Đồng Chanh	962	135.000	
85	Nguyễn Công Sức	Trung Hà	Đồng Chanh	980	137.000	
86	Nguyễn Công Phú	Trung Hà	Đồng Chanh	1.216	170.000	
87	Hoàng D Hùng Thành	Trung Hà	Đồng Chanh	2.101	294.000	
88	Hoàng Văn Cương	Trung Hà	Đồng Chanh	1.117	156.000	
89	Nguyễn Văn Lộc	Trung Hà	Đồng Chanh	3.504	491.000	
90	Nguyễn Văn Đại	Trung Hà	Đồng Chanh	734	103.000	
91	Đỗ Văn Dân	Trung Hà	Đồng Chanh	1.454	203.000	
92	Đỗ Văn Thoát	Trung Hà	Đồng Chanh	1.299	182.000	
93	Đỗ Văn Chức	Trung Hà	Đồng Chanh	912	128.000	
94	Đỗ Ngọc Bình	Trung Hà	Đồng Chanh	918	129.000	
95	Bùi Thị Mên	Trung Hà	Đồng Chanh	886	124.000	
96	Hoàng Văn Luyện	Trung Hà	Đồng Chanh	572	80.000	
97	Nguyễn Thị Khanh	Trung Hà	Đồng Chanh	26.927	3.770.000	
Tổng cộng				147.804	20.692.000	

TRƯỜNG TH